ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN NGÀNH NHẠC JAZZ TẠI VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 2026–2031, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2035

CHUẨN HÓA HỆ THỐNG ĐÀO TẠO, KIẾN TẠO BẢN SẮC JAZZ VIỆT NAM VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC SÁNG TẠO TRONG MÔI TRƯỜNG CÔNG NGHỆ

TS Nguyễn Tiến Mạnh

Trưởng Khoa nhạc Jazz - Học viện âm nhạc Quốc gia Việt Nam

TÓM TẮT

Bài viết phân tích cơ sở học thuật và thực tiễn của việc phát triển ngành Nhạc Jazz tại Việt Nam trong giai đoạn 2026–2031, tầm nhìn đến năm 2035. Phạm vi nghiên cứu bao quát năm chuyên ngành đang được đào tạo gồm Piano Jazz, Trống Jazz, Bass Jazz, Saxophone Jazz và Guitar Jazz; đồng thời xem xét điều kiện mở rộng sang các chuyên ngành khác. Trên cơ sở chương trình đào tạo hiện hành, các công trình nghiên cứu về Jazz Việt Nam và tư liệu Tác giả – Tác phẩm Jazz Việt 2026, bài viết đề xuất một hệ giải pháp có tính liên kết: chuẩn hóa chuẩn đầu ra và cấu trúc chương trình; phát triển repertoire và học liệu Jazz Việt Nam; nâng cao năng lực sáng tác, chuyển soạn, phối khí; tổ chức thực hành hòa tấu từ combo đến Big Band/Jazz Orchestra; và tích hợp công nghệ âm nhạc, Live Electronics, trí tuệ nhân tạo vào đào tạo, sáng tạo và biểu diễn. Các đề xuất được phân kỳ theo mức độ ưu tiên, gắn với điều kiện nhân lực, cơ sở vật chất, bản quyền và cơ chế đánh giá. Bài viết phân biệt rõ những kết quả đã triển khai với các mục tiêu cần tiếp tục xây dựng, thẩm định và phê duyệt.

Từ khóa: Nhạc Jazz; đào tạo âm nhạc; chuẩn đầu ra; Jazz Việt Nam; repertoire; sáng tác và phối khí; Big Band; Live Electronics; trí tuệ nhân tạo.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Jazz là một thực hành nghệ thuật dựa trên tương tác âm nhạc, ngẫu hứng, cá tính biểu đạt và sự vận động liên tục giữa truyền thống với đổi mới. Năng lực nghề nghiệp của nghệ sĩ Jazz vì vậy không thể được quy giản thành kỹ thuật biểu diễn trên một nhạc cụ, mà là tổ hợp năng lực gồm nghe và nhận diện cấu trúc âm nhạc, cảm nhận thời gian – tiết tấu, hiểu biết hòa âm, thị tấu, ứng tác, hòa tấu, diễn giải phong cách và năng lực sáng tạo. Đối với cơ sở đào tạo, đặc trưng này đặt ra yêu cầu tổ chức ngành học như một chỉnh thể, trong đó đào tạo nhạc cụ, kiến thức nền tảng, thực hành tập thể, nghiên cứu và hoạt động nghề nghiệp phải được thiết kế có quan hệ hữu cơ.

Tại Việt Nam, hoạt động đào tạo Jazz chính quy được triển khai từ đầu thập niên 1990; Khoa Nhạc Jazz tại Học viện Âm nhạc Quốc gia Việt Nam được thành lập độc lập năm 2013. Quá trình này hình thành cấu trúc đào tạo với năm chuyên ngành Piano Jazz, Trống Jazz, Bass Jazz, Saxophone Jazz và Guitar Jazz. Mỗi chuyên ngành có hệ yêu cầu kỹ thuật, âm sắc và chức năng nghệ thuật riêng, song đều tham gia vào một ngôn ngữ thực hành chung thông qua ứng tác và hòa tấu. Do đó, chuẩn đầu ra cần xác lập đồng thời năng lực cốt lõi của ngành và năng lực đặc thù của từng nhạc cụ [2].

Một vấn đề có ý nghĩa chiến lược là xác lập vị trí của repertoire Jazz Việt Nam trong đào tạo và đánh giá chuyên môn. Tác phẩm Việt Nam cần được tiếp cận như đối tượng học tập, phân tích, diễn giải và sáng tạo, thay vì chỉ xuất hiện trong các chương trình biểu diễn mang tính chủ đề. Công trình Tác giả – Tác phẩm Jazz Việt 2026 giới thiệu 33 tác phẩm của 9 tác giả thuộc ba thế hệ, tạo nguồn tư liệu bước đầu cho hoạt động nghiên cứu, giảng dạy và biểu diễn [4].

Từ những tiền đề trên, bài viết tập trung vào năm nhóm vấn đề có quan hệ tương hỗ: cấu trúc và chuẩn đầu ra đào tạo; phát triển repertoire cùng hệ thống học liệu; xây dựng đội ngũ sáng tác, chuyển soạn và phối khí; mở rộng thực hành hòa tấu; và ứng dụng công nghệ trong hoạt động chuyên môn. Về tỷ trọng tác phẩm Việt Nam, thực tiễn từ năm 2013 đến nay ghi nhận mức 25% ở chương trình đại học và 50% ở chương trình tài năng. Đây là kết quả

đã được triển khai cần được tổng kết, chuẩn hóa cách xác định và bảo đảm chất lượng. Mức 75% đối với chương trình cao học được xác định là định hướng đề xuất, chỉ có thể trở thành yêu cầu chính thức sau khi chương trình được xây dựng, thẩm định và phê duyệt.

2. CƠ SỞ NGHIÊN CỨU VÀ THỰC TIỄN PHÁT TRIỂN NGÀNH JAZZ

2.1. TIẾN TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ CẤU TRÚC ĐÀO TẠO ĐA CHUYÊN NGÀNH

Từ khi đào tạo Jazz chính quy được triển khai, hoạt động chuyên môn tại Việt Nam từng bước chuyển từ tiếp nhận tri thức và kỹ thuật của Jazz quốc tế sang xây dựng đội ngũ, chương trình, môi trường biểu diễn và nguồn tác phẩm trong nước. Tư liệu Tác giả – Tác phẩm Jazz Việt 2026 cho thấy tiến trình sáng tác có thể được khảo sát qua các thế hệ tác giả, gắn với điều kiện đào tạo, hoạt động biểu diễn và giao lưu quốc tế [4]. Điều này cho thấy phát triển ngành học cần đồng thời quan tâm đến truyền thừa tri thức, lưu trữ tác phẩm và hình thành năng lực sáng tạo tại chỗ.

Năm chuyên ngành Piano Jazz, Guitar Jazz, Saxophone Jazz, Bass Jazz và Trống Jazz tạo thành một cấu trúc chuyên môn liên kết, được thể hiện rõ nhất trong hoạt động hòa tấu. Trong cấu trúc đó, tuyến giai điệu, nền tảng hòa âm, chuyển động bass, tổ chức tiết tấu và ứng tác không vận hành độc lập mà tương tác để kiến tạo hình thức và diễn tiến âm nhạc. Chương trình cần giúp người học làm chủ kỹ thuật của nhạc cụ chuyên ngành, đồng thời hiểu chức năng của nhạc cụ trong tổng thể tác phẩm và khả năng đối thoại với các thành viên khác.

Về phương diện chương trình, các học phần lý thuyết Jazz, thính giác, thị tấu, tiết tấu, hòa âm, lịch sử – phong cách và hòa tấu cần được thiết kế theo quan hệ kế thừa, hỗ trợ lẫn nhau. Cấu trúc phù hợp gồm ba hợp phần: năng lực nền tảng chung; năng lực chuyên sâu theo nhạc cụ; và năng lực tích hợp được hình thành qua hòa tấu, dự án biểu diễn, chuyển soạn, phối khí và nghiên cứu. Cách tiếp cận này tránh hai hạn chế: đồng nhất nội dung khiến mất đặc trưng nhạc cụ, hoặc phân tách quá mức khiến người học thiếu năng lực cộng tác.

2.2. NHỮNG NỀN TẢNG NGHIÊN CỨU VÀ CHUYÊN MÔN HÌNH THÀNH ĐẾN NĂM 2026

Luận án Nghệ thuật Piano Jazz chuyên nghiệp Việt Nam của Nguyễn Tiến Mạnh (2016) là một nghiên cứu chuyên sâu về sự hình thành, đặc điểm âm nhạc và định hướng phát triển của Piano Jazz trong bối cảnh Việt Nam [3]. Các nội dung liên quan đến tiến trình Jazz trong nước, vận dụng thang âm – điệu thức ngũ cung, khai thác chất liệu truyền thống và mối quan hệ giữa sáng tác, biểu diễn với đào tạo có giá trị tham khảo đối với nghiên cứu toàn ngành. Tuy nhiên, do đối tượng khảo sát tập trung vào Piano Jazz, việc vận dụng kết quả cần được đặt trong giới hạn phương pháp và phạm vi tư liệu của luận án, không mặc nhiên khái quát cho toàn bộ chuyên ngành.

Các công trình nghiên cứu được công bố trong giai đoạn 2013–2016 cho thấy một mạch khảo cứu phát triển từ lịch sử và phong cách Jazz đến những vấn đề về đào tạo, biểu diễn và sáng tạo tại Việt Nam. Mạch nghiên cứu này được thể hiện trước hết qua hai bài viết cùng mang tên "Một số phong cách trong nhạc Jazz và vị trí của nó trong đời sống âm nhạc", lần lượt khảo sát Jazz trước Chiến tranh thế giới thứ I và Jazz sau Chiến tranh thế giới thứ II đến nay; tiếp đó là công trình "Đặc điểm âm nhạc của một số phong cách Jazz và ảnh hưởng của nó tới công tác đào tạo và biểu diễn Jazz tại Việt Nam" (2015), và nghiên cứu "Tính sáng tạo trong lĩnh vực sáng tác Jazz ở Việt Nam" (2016) [5–8]. Xét trong tương quan, các công trình này không chỉ cung cấp tư liệu về tiến trình và đặc trưng phong cách, mà còn đặt ra những vấn đề lý luận liên quan đến khả năng tiếp nhận, chuyển hóa ngôn ngữ Jazz trong môi trường Việt Nam. Đây là cơ sở để tiếp tục phát triển các hướng nghiên cứu về thực hành ứng tác trong hòa tấu, đặc điểm ngôn ngữ của tác phẩm Việt Nam, phương pháp phối khí cho các đội hình và quan hệ giữa chương trình đào tạo với môi trường biểu diễn.

Bên cạnh các công trình nghiên cứu, hồ sơ lý lịch khoa học còn ghi nhận quá trình tham gia xây dựng học liệu và cấu trúc đào tạo Jazz qua nhiều bậc học. Ở trình độ đại học, hoạt động này được thể hiện qua việc biên soạn Chương trình Piano Jazz hệ đại học (2017); ở chương trình tài năng, qua Giáo trình Piano Jazz hệ tài năng (2020) và Chương trình Piano Jazz hệ tài năng (2021). Năm 2021, phạm vi công việc tiếp tục mở rộng từ việc biên soạn Khung chương trình nhạc Jazz cấp Bộ đến các chương trình Piano Jazz hệ trung cấp 7 năm, hệ trung cấp 4 năm và

Hòa tấu nhạc Jazz hệ trung cấp cấp Học viện; tiếp đó là Chương trình Thị tấu nhạc Jazz hệ trung cấp (2023). Cùng với hoạt động phát triển chương trình, việc tham gia biên soạn "Âm nhạc – Thuật ngữ và định nghĩa" (2021) và tham gia Hội đồng tư vấn xây dựng chuẩn chương trình đào tạo giáo dục đại học nhóm ngành âm nhạc (2024) cho thấy sự mở rộng từ chuyên môn nhạc cụ sang chuẩn hóa thuật ngữ và chuẩn đào tạo [11]. Những dữ kiện này là minh chứng về quá trình chuyển hóa tri thức ngành Jazz thành chương trình, giáo trình và công cụ tổ chức dạy học; cần được phân biệt với các đề tài nghiên cứu độc lập và không mặc nhiên xem mọi nhiệm vụ biên soạn là công trình nghiên cứu đã công bố. Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Nhạc Jazz áp dụng từ năm học 2025–2026 cùng hệ thống đề cương chi tiết của Khoa vẫn là căn cứ trực tiếp để rà soát mục tiêu, chuẩn đầu ra, cấu trúc học phần và phương thức đánh giá [2]. Các bản thảo nghiên cứu về chuyên môn Jazz Thụy Điển và tổ chức giáo dục Jazz tại Thụy Điển có thể cung cấp góc nhìn so sánh [9–10]; khi sử dụng cần phân định rõ chương trình đã ban hành với tài liệu nghiên cứu hoặc bản thảo tham khảo.

2.3. HỆ THỐNG HÓA TÁC PHẨM JAZZ VIỆT NAM VÀ GIÁ TRỊ CỦA CÔNG TRÌNH XUẤT BẢN NĂM 2026

Công trình Tác giả – Tác phẩm Jazz Việt 2026 do Lưu Quang Minh, Quyền Văn Minh, Quyền Thiện Đắc, Nguyễn Hiền Đức, Nguyễn Tiến Mạnh, Lương Xuân Thịnh, Hoàng Xuân Tùng, Trịnh Thy San và Lương Việt Tú thực hiện, tập hợp và giới thiệu 33 tác phẩm của 9 tác giả thuộc ba thế hệ Jazz Việt Nam [4]. Các tác phẩm được đặt trong bối cảnh lịch sử – văn hóa và môi trường sáng tác, đồng thời được khảo sát trên các phương diện phong cách, cấu trúc, hòa âm, tiết tấu, chất liệu và định hướng trình diễn. Hệ thống danh mục theo thế hệ, tác giả và phong cách, cùng phụ lục bản nhạc và hình ảnh, góp phần định hình một nguồn tư liệu chuyên ngành có thể kiểm chứng và khai thác [4, tr. 52–59].

Đóng góp đáng chú ý của công trình là chuyển một bộ phận repertoire từ dạng lưu truyền hoặc tư liệu phân tán thành đối tượng có thể nghiên cứu và sử dụng trong đào tạo. Khi thông tin tác giả, nguồn gốc, bản ký âm và phân tích chuyên môn được hệ thống hóa, giảng viên có cơ sở lựa chọn tác phẩm theo trình độ; người học có thể tiếp cận thông qua nghe, đọc, phân tích, hòa tấu, ứng tác và trình diễn. Đây là tiền đề để xây dựng cơ chế bổ sung, thẩm định và cập nhật repertoire một cách thường xuyên.

3. QUAN ĐIỂM VÀ MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN

Định hướng phát triển ngành Nhạc Jazz cần dựa trên bốn nguyên tắc. Một là, lấy năng lực âm nhạc có thể quan sát và đánh giá làm trung tâm; chuẩn đầu ra phải phản ánh được kỹ thuật nhạc cụ, năng lực nghe, thị tấu, tiết tấu, hòa âm, ứng tác, hòa tấu và tư duy nghệ thuật. Hai là, kết hợp chuẩn năng lực chung với yêu cầu đặc thù của từng nhạc cụ, không đồng nhất hóa nội dung chuyên ngành. Ba là, phát triển Jazz Việt Nam trên cơ sở nghiên cứu nguồn chất liệu, bối cảnh văn hóa và phương thức chuyển hóa bằng ngôn ngữ Jazz; bản sắc không thể chỉ được xác lập bằng việc trích dẫn giai điệu dân ca. Bốn là, kế thừa kết quả đã triển khai, đồng thời thiết lập cơ chế kiểm chứng, đánh giá và cải tiến liên tục.

Mục tiêu đến năm 2031 là hoàn thiện cấu trúc chương trình theo chuẩn đầu ra; tăng tính liên thông giữa các bậc học và chuyên ngành; chuẩn hóa repertoire, học liệu Jazz Việt Nam; phát triển năng lực sáng tác – chuyển soạn – phối khí; hình thành các mô hình hòa tấu quy mô lớn theo dự án; và thí điểm ứng dụng công nghệ âm nhạc, Live Electronics, AI trong phạm vi có thể kiểm soát. Đến năm 2035, hướng tới một hệ sinh thái đào tạo – nghiên cứu – sáng tạo – biểu diễn có tính liên kết, có khả năng tạo lập tri thức và sản phẩm nghệ thuật mang dấu ấn Việt Nam trong đối thoại với thực hành Jazz quốc tế.

4. PHÁT TRIỂN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH NHẠC JAZZ

4.1. CẤU TRÚC NĂNG LỰC CHUNG VÀ NĂNG LỰC CHUYÊN NGÀNH

Chương trình đào tạo nên được tổ chức theo mô hình năng lực tích hợp gồm ba tầng. Tầng nền tảng cung cấp kiến thức lịch sử – lý thuyết Jazz, thính giác, thị tấu, tiết tấu, hòa âm và ngôn ngữ ứng tác. Tầng chuyên ngành phát triển kỹ thuật, âm sắc, repertoire, vai trò hòa tấu và năng lực diễn giải của từng nhạc cụ. Tầng tích hợp yêu cầu

người học vận dụng kiến thức vào biểu diễn, chuyển soạn, phối khí, nghiên cứu hoặc sản phẩm âm nhạc. Ba tầng cần được liên kết bằng chuẩn đầu ra, học phần tiên quyết và phương thức đánh giá nhất quán.

Yêu cầu chuyên ngành cần được mô tả bằng những năng lực đặc thù. Piano Jazz chú trọng quan hệ giai điệu – hòa âm, comping, voice leading, độc tấu và tương tác với nhóm tiết tấu. Trống Jazz tập trung vào time feel, phối hợp tay – chân, kiểm soát âm sắc, đọc bè và phản ứng với cấu trúc. Bass Jazz phát triển walking bass, định hình nền tảng nhịp – hòa âm, tuyến giai điệu và tương tác với trống. Saxophone Jazz chú trọng chất lượng âm thanh, kiểm soát hơi, phrasing, ứng tác và diễn giải repertoire. Guitar Jazz cân bằng kỹ năng voicing, đệm, xử lý giai điệu, ứng tác, âm sắc và thích ứng với các đội hình. Các mô tả này là định hướng chuyên môn để rà soát đề cương, không thay thế quy định của chương trình đã được phê duyệt.

Đánh giá năng lực biểu diễn cần kết hợp bình diện cá nhân và tập thể. Bên cạnh độ chính xác kỹ thuật, cần xem xét khả năng duy trì nhịp độ, nhận diện hình thức, lắng nghe, điều chỉnh tương tác và phản hồi âm nhạc. Vì vậy, hòa tấu phải được bố trí xuyên suốt tiến trình học tập, với yêu cầu tăng dần về độ phức tạp của repertoire, mức độ độc lập và trách nhiệm nghệ thuật.

4.2. LIÊN THÔNG GIỮA CÁC BẬC HỌC VÀ CÁC HÌNH THỨC ĐÀO TẠO

Các bậc học cần được thiết kế theo tiến trình phát triển năng lực, không phải bằng cách lặp lại cùng một nội dung ở mức độ khác nhau. Ở bậc trung cấp, trọng tâm là cảm nhận tiết tấu, Swing, Blues, ký hiệu hợp âm, thang âm cơ bản, nghe – nhận diện, thị tấu và hòa tấu ở cấu trúc phù hợp. Ở bậc đại học, người học phát triển hòa âm mở rộng, thang âm – điệu thức nâng cao, phân tích phong cách, ứng tác, repertoire chuyên sâu và năng lực nghề nghiệp. Chương trình tài năng cần tăng yêu cầu về chiều sâu repertoire, tính chủ động và cá tính diễn giải. Ở cao học, trọng tâm là thực hành biểu diễn hoặc nghiên cứu ở trình độ nâng cao, tư duy phản biện và đóng góp chuyên môn có tính độc lập.

Để bảo đảm liên thông, cần xây dựng ma trận thể hiện quan hệ giữa chuẩn đầu ra, học phần tiên quyết, năng lực kế thừa và tiêu chí đánh giá ở từng bậc. Kinh nghiệm biên soạn chương trình Piano Jazz ở trình độ đại học, tài năng và trung cấp, cùng các chương trình Hòa tấu và Thị tấu Jazz, cung cấp tư liệu thực tiễn để xem xét mức độ kế thừa giữa các cấp học [11]. Tuy nhiên, việc kế thừa không nên được hiểu là sao chép nguyên trạng các chương trình đã xây dựng ở những thời điểm khác nhau; cần đối chiếu với chuẩn đầu ra, điều kiện đào tạo và chương trình đang có hiệu lực để nhận diện nội dung trùng lặp hoặc khoảng trống. Học liệu cần được phân tầng theo trình độ, đồng thời thống nhất thuật ngữ, ký hiệu hợp âm, quy cách trình bày bản nhạc và tiêu chí chuyên môn.

Việc mở rộng sang Thanh nhạc Jazz, Trumpet Jazz, Violin Jazz, Viola Jazz, Vibraphone Jazz… và các chuyên ngành khác cần được xem xét trên cơ sở khảo sát nhu cầu xã hội và năng lực bảo đảm chất lượng. Mỗi phương án phải làm rõ nhu cầu tuyển sinh, chuẩn đầu ra, chương trình, đội ngũ, nhạc cụ – thiết bị, cơ hội thực hành, triển vọng nghề nghiệp và kinh phí vận hành. Trước khi đề xuất mở ngành chính thức, có thể kiểm chứng tính khả thi thông qua workshop, lớp chuyên đề, học phần tự chọn hoặc dự án hòa tấu liên chuyên ngành.

4.3. CỦNG CỐ KẾT QUẢ ĐÃ TRIỂN KHAI VÀ PHÁT TRIỂN REPERTOIRE JAZZ VIỆT NAM

Từ năm 2013 đến nay, thực tiễn đào tạo và thi tốt nghiệp đã triển khai tỷ trọng tác phẩm Jazz Việt Nam ở mức 25% đối với chương trình đại học và 50% đối với chương trình tài năng. Đây là kết quả cần được hệ thống hóa bằng hồ sơ minh chứng và tiếp tục duy trì, nâng cao chất lượng. Đối với chương trình cao học, định hướng đề xuất là tiến tới 75% sau khi chương trình được rà soát, biên soạn và thực hiện đầy đủ quy trình thẩm định, phê duyệt.

Chương trình	Tỷ trọng tác phẩm Jazz Việt Nam	Định hướng triển khai
Đại học	25%	Bố trí tác phẩm Việt Nam trong repertoire tốt nghiệp; đánh giá năng lực diễn giải phong cách, ứng tác và tương tác hòa tấu.

Chương trình	Tỷ trọng tác phẩm Jazz Việt Nam	Định hướng triển khai
Chương trình tài năng	50%	Yêu cầu repertoire có chiều sâu; chú trọng nghiên cứu chất liệu, phân tích phong cách, chuyển soạn và xây dựng diễn giải cá nhân.
Cao học (định hướng đề xuất)	Tiến tới 75%	Mục tiêu đề xuất; cần cập nhật chương trình, thẩm định học liệu, chuẩn đầu ra và năng lực hướng dẫn trước khi áp dụng.

Để các tỷ lệ có thể được áp dụng và đối chiếu nhất quán, cần ban hành cách tính thống nhất, xác định rõ tỷ lệ dựa trên số lượng tác phẩm hay tổng thời lượng biểu diễn. Đồng thời, cần định nghĩa phạm vi tác phẩm Jazz Việt Nam. Phạm vi này có thể bao gồm tác phẩm do tác giả Việt Nam sáng tác và tác phẩm chuyển soạn từ chất liệu âm nhạc Việt Nam bằng ngôn ngữ Jazz, với điều kiện quá trình chuyển hóa có cơ sở về cấu trúc, hòa âm, tiết tấu và thực hành biểu diễn. Việc phân loại phải dựa trên phân tích chuyên môn, không chỉ dựa vào quốc tịch tác giả hoặc sự xuất hiện đơn lẻ của chất liệu dân gian.

Tỷ trọng repertoire là chỉ báo về định hướng nội dung, không phải thước đo thay thế chất lượng nghệ thuật. Mỗi tác phẩm được lựa chọn cần phù hợp trình độ, có tư liệu xác thực, bảo đảm khả năng trình diễn và tạo điều kiện đánh giá năng lực chuyên ngành. Danh mục cần được tuyển chọn hoặc chuyển soạn phù hợp với chức năng của từng nhạc cụ và đội hình, tránh áp dụng cơ học một danh sách chung cho mọi chuyên ngành.

Đối với cao học, mục tiêu 75% chỉ nên được xác lập sau khi đánh giá đầy đủ nguồn tác phẩm, chất lượng bản nhạc, năng lực hướng dẫn và yêu cầu đầu ra ở trình độ sau đại học. Repertoire Việt Nam cần được tích hợp với đề án biểu diễn hoặc nghiên cứu chuyên sâu, bảo đảm tương thích với quy chế đào tạo và chuẩn mực học thuật. Cho đến khi hoàn tất quy trình phê duyệt, tỷ lệ này vẫn mang tính định hướng.

5. PHÁT TRIỂN HỌC LIỆU VÀ KHO TƯ LIỆU JAZZ VIỆT NAM

Phát triển repertoire đòi hỏi một hệ thống học liệu được tuyển chọn, thẩm định và cập nhật theo tiêu chí chuyên môn. Từ nền tảng 33 tác phẩm của 9 tác giả được giới thiệu trong Tác giả – Tác phẩm Jazz Việt 2026 [4], cần xây dựng kho tư liệu có khả năng mở rộng, phân loại theo chuyên ngành, trình độ, đội hình, phong cách, nguồn chất liệu và độ khó. Việc tổ chức dữ liệu theo cấu trúc thống nhất sẽ hỗ trợ giảng dạy, nghiên cứu, tuyển chọn tác phẩm và lập kế hoạch biểu diễn.

Hồ sơ của mỗi tác phẩm cần tối thiểu gồm: thông tin tác giả và thời điểm sáng tác (nếu xác định được); xuất xứ và đặc điểm chất liệu; phong cách, hình thức; đội hình phù hợp; bản nhạc, bè hoặc tổng phổ; bản thu tham chiếu; phân tích giai điệu, hòa âm và tiết tấu; gợi ý thực hành ứng tác; cấp độ đào tạo phù hợp; cùng tình trạng quyền tác giả và quyền sử dụng. Với tư liệu chưa hoàn chỉnh hoặc chưa rõ nguồn gốc, cần xác minh trước khi biên tập, phổ biến hay đưa vào đánh giá chính thức.

Kho tư liệu cần hỗ trợ cả tác phẩm nguyên bản cho từng nhạc cụ và tác phẩm có thể chuyển soạn cho nhiều đội hình. Quy trình thẩm định bản nhạc phải kiểm tra tính chính xác của cao độ, tiết tấu, ký hiệu, hòa âm, hình thức, phân bè và tính khả thi khi trình diễn. Chỉ những tư liệu đạt yêu cầu chuyên môn và quyền sử dụng mới được đưa vào học liệu chính thức hoặc danh mục thi.

Ngoài bản ký âm, kho dữ liệu nên lưu trữ bản thu, video biểu diễn, phỏng vấn tác giả, tư liệu về quá trình sáng tác, phân tích chuyên môn và lịch sử tiếp nhận tác phẩm. Công tác số hóa phải đi kèm phân quyền truy cập, sao lưu, siêu dữ liệu và quy trình quản lý bản quyền. Như vậy, kho tư liệu vừa là hạ tầng đào tạo, vừa là nguồn dữ liệu sơ cấp phục vụ nghiên cứu lịch sử, phong cách và sự biến đổi của Jazz Việt Nam.

6. PHÁT TRIỂN ĐỘI NGŨ, SÁNG TÁC – PHỐI KHÍ, DÀN NHẠC JAZZ VÀ BIỂU DIỄN

Phát triển nguồn nhân lực cần gắn với cấu trúc chương trình và định hướng chuyên môn của toàn ngành. Bên cạnh năng lực biểu diễn ở năm chuyên ngành, đội ngũ cần được bồi dưỡng về lý thuyết, hòa tấu, nghiên cứu, sáng tác, chuyển soạn, phối khí và công nghệ âm nhạc. Kế hoạch phát triển giảng viên nên dựa trên bản đồ năng lực hiện có, nhu cầu học phần và khả năng triển khai các dự án chuyên môn; đồng thời tạo điều kiện cho trao đổi học thuật, hợp tác quốc tế và thực hành nghề nghiệp.

6.1. PHÁT TRIỂN ĐỘI NGŨ SÁNG TÁC, CHUYỂN SOẠN VÀ PHỐI KHÍ JAZZ

Một hệ thống đào tạo Jazz phát triển cần có lực lượng sáng tác, chuyển soạn và phối khí song hành với đội ngũ nghệ sĩ biểu diễn. Trong giai đoạn trước mắt, có thể hình thành nhóm chuyên môn hoặc định hướng chuyên sâu với nội dung về cấu trúc tác phẩm Jazz, phát triển mô-típ, hòa âm, phối khí combo và Big Band, viết bè cho bộ kèn – bộ dây, biên tập tổng phổ, phối khí nhạc cụ truyền thống và thiết kế âm thanh. Về dài hạn, việc xây dựng chuyên ngành hoặc chương trình chuyên sâu chỉ nên đặt ra khi có nhu cầu, giảng viên và điều kiện đào tạo phù hợp. Sản phẩm đánh giá cần là hồ sơ sáng tác, tổng phổ, bản thu và dự án biểu diễn, không chỉ là bài tập lý thuyết.

6.2. MỞ RỘNG CHUYÊN NGÀNH JAZZ THEO LỘ TRÌNH

Các chuyên ngành bổ sung có thể mở rộng phổ âm sắc và năng lực tổ chức đội hình, song việc triển khai phải dựa trên điều kiện bảo đảm chất lượng. Ngoài khảo sát nhu cầu tuyển sinh, cần xác định nguồn giảng viên, nhạc cụ, phòng học, học liệu, cơ hội biểu diễn và khả năng duy trì lâu dài. Các hình thức thí điểm như workshop, lớp ngắn hạn, học phần tự chọn và dự án cộng tác với nghệ sĩ khách mời sẽ cung cấp dữ liệu thực tiễn trước khi xây dựng đề án chính thức.

6.3. XÂY DỰNG BIG BAND, JAZZ ORCHESTRA VÀ CÁC ĐỘI HÌNH LIÊN NGÀNH

Big Band và Jazz Orchestra cần được phát triển như môi trường đào tạo thực hành có mục tiêu, không chỉ là đội hình phục vụ sự kiện. Lộ trình có thể bắt đầu từ combo mở rộng, nhóm kèn kết hợp nhóm tiết tấu, tiến tới Big Band và các dự án Jazz Orchestra có sự tham gia của bộ dây, thanh nhạc, nhạc cụ truyền thống hoặc Live Electronics. Mỗi mô hình cần xác định giám đốc âm nhạc, đội hình, repertoire, lịch tập, quy trình chuẩn bị tổng phổ, yêu cầu kỹ thuật và nguồn lực. Nội dung biểu diễn nên cân bằng giữa chuẩn mực Jazz quốc tế, tác phẩm mới và các bản phối Jazz Việt Nam.

Hoạt động tập luyện cần được tổ chức theo kế hoạch học tập, với tiêu chí đánh giá ở cả cấp độ cá nhân và tập thể. Người học cần thực hành đọc bè, đọc tổng phổ, kiểm soát vai trò trong texture, duy trì time feel, phối hợp với chỉ huy và phản hồi với các tín hiệu âm nhạc. Các tiêu chí có thể gồm độ chính xác, chất lượng âm thanh, độ ổn định tiết tấu, khả năng tương tác, hiểu biết phong cách, kỷ luật tập luyện và đóng góp vào kết quả chung. Bản thu, tổng phổ và nhận xét sau mỗi dự án cần được lưu trữ làm tư liệu phản hồi và học tập.

Mỗi chương trình biểu diễn có thể được thiết kế thành chu trình học tập hoàn chỉnh: tuyển chọn và phân tích tác phẩm; sáng tác hoặc chuyển soạn; phối khí và chuẩn bị tổng phổ; tập luyện; trình diễn; ghi âm, ghi hình; và đánh giá sau dự án. Cần từng bước hình thành phòng thực hành hoặc nhóm dự án sáng tác – phối khí Jazz, kết nối giảng viên, sinh viên và nghệ sĩ cộng tác. Sản phẩm từ các dự án cần quay trở lại chương trình đào tạo dưới dạng repertoire, bản thu và tư liệu phân tích, tạo mối liên hệ liên tục giữa sáng tạo, biểu diễn, nghiên cứu và giảng dạy.

7. TÍCH HỢP CÔNG NGHỆ ÂM NHẠC, LIVE ELECTRONICS, TRÍ TUỆ NHÂN TẠO VÀ HỢP TÁC QUỐC TẾ

Công nghệ âm nhạc cần được xác định là một thành tố của năng lực nghề nghiệp hiện đại, bao gồm ký âm và biên tập tổng phổ, MIDI, thu âm, xử lý âm thanh, sản xuất bản thu, quản lý tư liệu số và vận hành hệ thống âm thanh biểu diễn. Trên nền tảng đó, có thể phát triển các dự án Live Electronics sử dụng xử lý tín hiệu thời gian thực, looping, sampling, synthesizer và tương tác giữa nghệ sĩ với hệ thống điện tử. Công nghệ cần tham gia từ giai đoạn hình thành ý tưởng, sáng tác, phối khí đến tập luyện và trình diễn; đồng thời phải có phương án kỹ thuật dự phòng để bảo đảm độ tin cậy của hoạt động biểu diễn.

7.1. TỔ CHỨC MÔI TRƯỜNG THỰC HÀNH CÔNG NGHỆ JAZZ

Môi trường thực hành công nghệ nên được tổ chức theo dự án liên ngành, kết nối nghệ sĩ biểu diễn, người sáng tác – phối khí, kỹ thuật viên và người học công nghệ âm nhạc. Sản phẩm thử nghiệm có thể gồm tác phẩm Jazz tích hợp Live Electronics, bản phối Big Band có xử lý điện tử, trình diễn tương tác, bản thu đa kênh hoặc học liệu kết hợp bản nhạc và âm thanh. Trước khi đầu tư, cần xác định mục tiêu sư phạm, cấu hình thiết bị tối thiểu, phần mềm có bản quyền, yêu cầu bảo trì và nhân sự vận hành. Ưu tiên hạ tầng dùng chung, đầu tư theo giai đoạn và đánh giá hiệu quả trên sản phẩm cụ thể.

7.2. HỢP TÁC QUỐC TẾ VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC SỐ

Hợp tác quốc tế cần được thiết kế theo mục tiêu và sản phẩm đầu ra, thay vì chỉ dừng ở hoạt động giao lưu. Các hình thức phù hợp gồm trao đổi giảng viên, lớp chuyên đề, workshop, dự án hòa tấu, hợp tác về Live Electronics, phát triển học liệu, nghiên cứu so sánh chương trình và bồi dưỡng phương pháp đánh giá. Các nghiên cứu về chuyên môn Jazz và giáo dục Jazz tại Thụy Điển có thể được sử dụng như trường hợp tham chiếu để phân tích quan hệ giữa đào tạo, môi trường biểu diễn và bản sắc nghệ thuật [9–10]. Việc tiếp nhận kinh nghiệm cần có chọn lọc, dựa trên đối chiếu với nguồn lực, điều kiện văn hóa và mục tiêu đào tạo tại Việt Nam.

7.3. ỨNG DỤNG TRÍ TUỆ NHÂN TẠO TRONG SÁNG TÁC, BIỂU DIỄN VÀ ĐÀO TẠO JAZZ

AI có tiềm năng hỗ trợ một số quy trình chuyên môn như phiên âm bản thu, nhận diện tiết tấu, phân tích hòa âm – hình thức, tổ chức học liệu, tạo bài tập luyện tập, thử nghiệm phương án phối khí và hỗ trợ hậu kỳ. Tuy nhiên, hiệu quả của từng ứng dụng cần được kiểm chứng về độ chính xác âm nhạc, giá trị sư phạm, tính minh bạch và tác động đến năng lực độc lập của người học. AI không thay thế năng lực nghe, cảm nhận thời gian, kỹ thuật nhạc cụ, ứng tác hay trách nhiệm thẩm mỹ. Việc sử dụng phải tuân thủ quyền tác giả, quyền liên quan, quy định bảo vệ dữ liệu và yêu cầu công khai mức độ hỗ trợ khi cần thiết; sản phẩm học tập phải thể hiện rõ đóng góp sáng tạo của người học.

8. LỘ TRÌNH THỰC HIỆN VÀ CƠ CHẾ ĐÁNH GIÁ

8.1. GIAI ĐOẠN 2026–2027: RÀ SOÁT VÀ CHUẨN BỊ

Trong giai đoạn 2026–2027, ưu tiên thứ nhất là rà soát chương trình và tổng kết bằng chứng về việc triển khai tỷ lệ tác phẩm Jazz Việt Nam 25% ở đại học, 50% ở chương trình tài năng. Song song, cần lập bản đồ năng lực giảng viên; thống kê học liệu và điều kiện cơ sở vật chất; khảo sát nhu cầu đối với các chuyên ngành dự kiến mở rộng; xác định mô hình tổ chức Big Band/Jazz Orchestra; và xây dựng danh mục dự án sáng tác – phối khí, Live Electronics, AI có thể thử nghiệm. Mỗi nhiệm vụ cần có đơn vị phụ trách, sản phẩm đầu ra, tiến độ, nguồn lực và tiêu chí đánh giá.

Trong cùng giai đoạn, cần xây dựng đề cương cập nhật chương trình cao học theo định hướng tăng cường repertoire Jazz Việt Nam, xem xét mục tiêu 75% trên cơ sở nguồn tác phẩm, đội ngũ hướng dẫn và chuẩn đầu ra. Đối với chương trình tài năng, trọng tâm là củng cố chất lượng thực hiện tỷ lệ 50% hiện có. Các chuyên ngành mới và dự án công nghệ nên đi theo trình tự: khảo sát, thí điểm quy mô nhỏ, đánh giá minh chứng, hoàn thiện phương án nguồn lực, sau đó mới xem xét đề án chính thức hoặc đầu tư lớn.

8.2. GIAI ĐOẠN 2028–2029: THÍ ĐIỂM VÀ TRIỂN KHAI

Giai đoạn 2028–2029 tập trung triển khai các mô hình đã được chuẩn bị và thẩm định. Có thể tổ chức danh mục repertoire Việt Nam theo chuyên ngành; vận hành dự án Big Band/Jazz Orchestra; triển khai workshop sáng tác – phối khí và chương trình Live Electronics; đồng thời thử nghiệm một số ứng dụng AI có mục tiêu rõ ràng. Việc đánh giá cần thu thập phản hồi từ giảng viên, sinh viên, hội đồng chuyên môn và tác giả; xem xét độ khó, tính đa

dạng phong cách, chất lượng phối khí, năng lực hòa tấu, độ ổn định công nghệ và điều kiện bản quyền. Kết quả phải được lưu bằng hồ sơ chuyên môn và tư liệu được phép sử dụng.

8.3. GIAI ĐOẠN 2030–2031: ĐÁNH GIÁ, ĐIỀU CHỈNH VÀ CHUẨN HÓA

Đến năm 2031, cần tiến hành đánh giá tổng hợp dựa trên chỉ số định lượng và thẩm định định tính. Nhóm chỉ số có thể bao gồm mức độ đạt chuẩn đầu ra; chất lượng và tỷ trọng repertoire Việt Nam; số lượng tác phẩm được xác minh, ký âm và đưa vào giảng dạy; mức độ khai thác kho tư liệu; sản phẩm sáng tác – phối khí; tính ổn định của các đội hình hòa tấu; kết quả nghiên cứu, biểu diễn; năng lực đội ngũ; và hiệu quả sử dụng hạ tầng công nghệ. Quyết định mở rộng chuyên ngành phải dựa trên nhu cầu, nguồn nhân lực, chi phí và khả năng duy trì, không căn cứ đơn thuần vào số lượng sự kiện hoặc văn bản.

8.4. TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2035

Tầm nhìn đến năm 2035 là hình thành hệ thống đào tạo Jazz có tính liên thông và bảo đảm chất lượng, trong đó năm chuyên ngành hiện có được củng cố vững chắc, các chuyên ngành bổ sung được phát triển khi đáp ứng điều kiện. Repertoire Jazz Việt Nam trở thành thành tố có cấu trúc trong đào tạo và đánh giá; đội ngũ sáng tác – chuyển soạn – phối khí có khả năng tạo sản phẩm cho nhiều quy mô hòa tấu; Big Band/Jazz Orchestra trở thành môi trường thực hành ổn định. Chương trình cao học có thể áp dụng mục tiêu 75% sau khi được phê duyệt. Công nghệ và hợp tác quốc tế được triển khai theo hướng phục vụ trực tiếp cho sáng tạo, nghiên cứu và nâng cao chất lượng đào tạo.

9. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Phát triển ngành Nhạc Jazz tại Việt Nam cần được hoạch định như một hệ thống liên kết giữa đào tạo, nghiên cứu, sáng tạo và biểu diễn. Năm chuyên ngành Piano Jazz, Trống Jazz, Bass Jazz, Saxophone Jazz và Guitar Jazz cần chia sẻ nền tảng năng lực chung, đồng thời duy trì yêu cầu kỹ thuật và nghệ thuật đặc thù. Các hướng mở rộng chuyên ngành, xây dựng lực lượng sáng tác – chuyển soạn – phối khí, phát triển Big Band/Jazz Orchestra và ứng dụng công nghệ cần được triển khai theo lộ trình, căn cứ vào nhu cầu và năng lực bảo đảm chất lượng.

Những tiền đề đến năm 2026 gồm chương trình đào tạo đại học ngành Nhạc Jazz, các nghiên cứu chuyên môn, chuỗi công trình công bố về lịch sử – phong cách, đào tạo – biểu diễn và sáng tác Jazz Việt Nam [2–8], cùng công trình Tác giả – Tác phẩm Jazz Việt 2026 với 33 tác phẩm của 9 tác giả thuộc ba thế hệ [4]. Hồ sơ hoạt động khoa học và chuyên môn cũng ghi nhận quá trình tham gia biên soạn chương trình, giáo trình ở các bậc học, xây dựng khung chương trình Jazz, chuẩn hóa thuật ngữ và tham gia tư vấn chuẩn chương trình đào tạo nhóm ngành âm nhạc [11]. Những dẫn chứng này cho thấy nền tảng phát triển ngành không chỉ nằm ở các công trình nghiên cứu và nguồn tác phẩm, mà còn ở năng lực chuyển hóa tri thức thành cấu trúc đào tạo và công cụ sư phạm. Nhiệm vụ trọng tâm là tiếp tục thẩm định, cập nhật và chuyển hóa các nguồn tư liệu ấy thành học liệu có thể sử dụng thường xuyên trong các chuyên ngành, bảo đảm tính xác thực của bản nhạc, thông tin xuất xứ và quyền sử dụng.

Việc triển khai tỷ lệ 25% tác phẩm Jazz Việt Nam ở chương trình đại học và 50% ở chương trình tài năng từ năm 2013 tạo cơ sở thực tiễn cho bước phát triển tiếp theo. Trọng tâm không chỉ là duy trì tỷ lệ mà còn nâng cao chất lượng tuyển chọn, mở rộng repertoire phù hợp từng nhạc cụ và thống nhất phương thức đánh giá. Mục tiêu 75% ở cao học cần được xem là phương án phát triển có điều kiện, gắn với việc cập nhật chương trình, hoàn thiện học liệu và thực hiện quy trình thẩm định, phê duyệt.

Kiến nghị Ban Giám đốc và các đơn vị chức năng xem xét: (1) cho phép rà soát chương trình ngành Nhạc Jazz theo chuẩn đầu ra và ma trận liên thông; (2) xây dựng, thẩm định và số hóa kho học liệu Jazz Việt Nam, kèm quy chế bản quyền; (3) chuẩn hóa hướng dẫn lựa chọn và đánh giá repertoire tốt nghiệp; (4) giao Khoa xây dựng phương án cập nhật chương trình cao học; (5) xây dựng kế hoạch bồi dưỡng đội ngũ sáng tác – chuyển soạn – phối khí và phát triển Big Band/Jazz Orchestra; (6) khảo sát tính khả thi của các chuyên ngành mới; và (7) cho phép triển khai các dự án thí điểm về Live Electronics, AI và hợp tác quốc tế. Mỗi nhiệm vụ cần xác định đầu mối, tiến độ, sản phẩm, dự toán và cơ chế đánh giá định kỳ.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1] Học viện Âm nhạc Quốc gia Việt Nam. (2026). Dự thảo Chiến lược phát triển Học viện Âm nhạc Quốc gia Việt Nam giai đoạn 2026–2031, tầm nhìn đến năm 2035.

[2] Học viện Âm nhạc Quốc gia Việt Nam. (2025). Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Nhạc Jazz (Jazz Performance), áp dụng từ năm học 2025–2026. Hà Nội.

[3] Nguyễn Tiến Mạnh. (2016). Nghệ thuật Piano Jazz chuyên nghiệp Việt Nam. Luận án tiến sĩ Âm nhạc học, Học viện Âm nhạc Quốc gia Việt Nam, Hà Nội.

[4] Lưu Quang Minh, Quyền Văn Minh, Quyền Thiện Đắc, Nguyễn Hiền Đức, Nguyễn Tiến Mạnh, Lương Xuân Thịnh, Hoàng Xuân Tùng, Trịnh Thy San và Lương Việt Tú. (2026). Tác giả – Tác phẩm Jazz Việt 2026. Hà Nội: Nhà xuất bản Thế giới; Công ty Cổ phần Sách Omega Việt Nam.

[5] Nguyễn Tiến Mạnh. (2013). Một số phong cách trong nhạc Jazz và vị trí của nó trong đời sống âm nhạc – Jazz trước Chiến tranh thế giới thứ I. Tạp chí Nghệ thuật biểu diễn, số 54.

[6] Nguyễn Tiến Mạnh. (2013). Một số phong cách trong nhạc Jazz và vị trí của nó trong đời sống âm nhạc – Jazz sau Chiến tranh thế giới thứ II đến nay. Tạp chí Nghệ thuật biểu diễn, số 55.

[7] Nguyễn Tiến Mạnh. (2015). Đặc điểm âm nhạc của một số phong cách Jazz và ảnh hưởng của nó tới công tác đào tạo và biểu diễn Jazz tại Việt Nam. Thông báo khoa học, số 46 (tháng 9–12/2015), Viện Âm nhạc.

[8] Nguyễn Tiến Mạnh. (2016). Tính sáng tạo trong lĩnh vực sáng tác Jazz ở Việt Nam. Tạp chí Văn hóa Nghệ thuật, số 384 (tháng 6/2016).

[9] Nguyễn Tiến Mạnh. (2025). The impact of Swedish Jazz expertise on the development of Vietnamese Jazz.

[10] Nguyễn Tiến Mạnh. (2025). An outline of the procedure for implementing and advancing Jazz education in Sweden.

[11] Nguyễn Tiến Mạnh. (2025). Quá trình nghiên cứu khoa học và các công trình khoa học đã công bố.